

BÁO CÁO

Sơ kết công tác quý III, 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2017

Sản xuất nông nghiệp 9 tháng đầu năm có một số thuận lợi cơ bản như: Độ mặn thấp hơn cùng kỳ và không gây áp lực như năm 2016, mưa đến sớm và đều trên diện rộng, giá cả một số sản phẩm như dừa khô, đậu phộng, lúa, tôm, cua... ổn định ở mức khá; giá cả vật tư đầu vào không có nhiều biến động, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi nằm trong tầm kiểm soát. Nhưng cũng gặp nhiều khó khăn như: Mưa trái mùa, gió lớn gây đổ ngã làm giảm năng suất lúa, một số diện tích rau màu bị hư hại; thời tiết, khí hậu có lúc gây gắt, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn ảnh hưởng phát triển tôm nuôi và tạo cơ hội cho mầm bệnh phát sinh; giá đầu ra một số sản phẩm (cá lóc, heo hơi, gia cầm,...) giảm sâu, có lúc thấp hơn giá thành làm cho người sản xuất thua lỗ nên sức đầu tư sản xuất một số lĩnh vực giảm đáng kể. Về xây dựng nông thôn mới và các công tác chuyên ngành tiếp tục được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ của các ngành, các cấp nên tiếp tục đạt được những kết quả khả quan, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Về giá trị sản xuất:

Ước tổng giá trị sản xuất toàn ngành (giá năm 2010) 19.527 tỷ đồng, đạt 78,34% kế hoạch, tăng 1,83% so cùng kỳ. Trong đó:

- Nông nghiệp: 13.323 tỷ đồng, đạt 76,72%, giảm 2,11%
- + Trồng trọt: 9.697 tỷ đồng, đạt 77,89%, tăng 0,82%
- + Chăn nuôi: 2.129 tỷ đồng, đạt 64,52%, giảm 8,25%.
- + Dịch vụ nông nghiệp: 1.497 tỷ đồng, đạt 92,59%, giảm 10,42%.
- Lâm nghiệp: 230 tỷ đồng, đạt 95,7%, tăng 0,24%
- Thủy, hải sản: 5.974 tỷ đồng, đạt 81,61%, tăng 11,96%
- + Khai thác hải sản: 918 tỷ đồng, đạt 93,63%, tăng 10,49%
- + Khai thác nội đồng: 362 tỷ đồng, đạt 78,79%, tăng 3,37%
- + Nuôi trồng thủy sản: 4.681 tỷ đồng, đạt 80%, tăng 13,27%
- + Dịch vụ thủy sản: 13 tỷ đồng, đạt 42,36%, giảm 42,33%.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt, bảo vệ thực vật:

Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 232.978 ha, đạt 92,3% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 35.316 ha, cụ thể:

- Cây lúa:

+ Gieo trồng 201.006 ha, vượt kế hoạch 4.000 ha, giảm 33.242 ha so cùng kỳ; thu hoạch dứt điểm 02 vụ Thu Đông – mùa và Đông Xuân (123.964 ha), năng suất trung bình 5,28 tấn/ha, thấp hơn cùng kỳ 0,11 tấn/ha; sản lượng 654.990 tấn, giảm 84.772 tấn. Nguyên nhân, do thực hiện chủ trương giảm diện tích lúa 3 vụ để tránh thiệt hại do hạn, mặn, bên cạnh đó mặn trong đất chưa được cải tạo hết, mưa trong giai đoạn đồng trổ, gió giật mạnh làm đổ ngã nhiều diện tích dẫn đến năng suất giảm. Vụ Hè Thu thu hoạch 70.683 ha, năng suất trung bình 5,12 tấn/ha, cao hơn cùng kỳ 0,06 tấn/ha, cánh đồng lớn thu hoạch 3.235 ha, năng suất bình quân 5,62 tấn/ha. Vụ Thu Đông - mùa xuống giống 49.889 ha, đạt 65,6% kế hoạch, nhanh hơn cùng kỳ 34.722 ha, xây dựng 10 mô hình cánh đồng lớn, diện tích 2.925 ha. Công ty Lương thực Trà Vinh hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ 1.933 ha (vụ Đông Xuân và Hè Thu), thu mua 4.673 tấn lúa hàng hóa.

+ Diện tích nhiễm sâu, bệnh 9 tháng là 25.581 ha, giảm 923 ha so với cùng kỳ (vụ Hè thu 13.122 ha), các đối tượng gây hại như rầy nâu 7.824 ha, đạo ôn lá 8.728 ha, lem lép hạt 2.613 ha, chuột 3.644 ha,... cục bộ có 2.443 ha lúa bị nhiễm rầy nâu, bệnh đạo ôn và lem lép hạt gây hại ở mức độ trung bình và nặng phổ biến trên các giống OM 4900, OM 5451, ML 202, diện tích còn lại gây hại nhẹ.

+ Theo dõi bẫy đèn, kiểm tra các điểm dự báo làm cơ sở dự tính, dự báo; xây dựng khung lịch thời vụ xuống giống né rầy cho từng địa phương; phát hành thông báo phòng trị bệnh đạo ôn lúa; hướng dẫn nông dân phun thuốc phòng trị bệnh đạo ôn lá, cháy bìa lá, rầy nâu, diện tích 2.500 ha, kết quả đã khống chế được trên diện rộng.

+ Các tổ chức tín dụng cho 69 hộ vay 21 tỷ đồng mua máy nông nghiệp. Nâng tổng số đến nay có 415 hộ vay 130 tỷ đồng để mua máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp. Theo thống kê sơ bộ, đến nay cơ giới hóa 100% khâu làm đất, bơm tát nước, thu hoạch; 60-75% khâu gieo sạ, phun thuốc và khoảng 45% sấy lúa 02 vụ Hè Thu và Thu Đông.

- Gieo trồng 10.413 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, nâng tổng diện tích đến nay 45.430 ha, đạt 81,8% kế hoạch (cao hơn cùng kỳ 1.147 ha), gồm: Màu lương thực 5.720 ha; màu thực phẩm 23.915 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác là 15.795 ha. Đã thu hoạch 40.050 ha, ước sản lượng 1,076 triệu tấn, cao hơn cùng kỳ 21.390 tấn.

+ Kết hợp địa phương, Công ty mía đường khảo sát tình hình mía bị bệnh cháy lá và thu mẫu giám định tác nhân gây bệnh

+ Công ty TNHH hạt giống Vạn Phát liên kết xây dựng mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ ớt, diện tích 14,75 ha, đã thu mua 11.290 tấn giá thu mua từ 35.000- 52.000 đồng/kg.

+ Có 988 hộ tham gia chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng bắp theo Quyết định số 915/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, diện tích 425 ha, tỉnh đang xem xét, bố trí 1,27 tỷ đồng để thực hiện hỗ trợ.

- Cây lâu năm: Ước diện tích trồng mới trong quý là 49 ha, nâng tổng diện tích vườn cây ăn trái 17.731 ha, ước sản lượng thu hoạch 163.568 tấn, đạt 81,8% kế hoạch. Cây dừa diện tích trồng mới 10 ha, nâng tổng số đến nay 20.673 ha, ước sản lượng 178.284 tấn, đạt 81% kế hoạch. Tiếp tục theo dõi mô hình phòng ngừa thiệt hại hạn mặn 0,6 ha trên cây bưởi và cam sành. Nhân nuôi, phóng thích 138.000 ong ký sinh quản lý bọ cánh cứng hại dừa và 5.000 ong mắt đỏ quản lý sâu đục trái bưởi.

b) Chăn nuôi, thú y:

Tình hình chăn nuôi 9 tháng đầu năm gặp nhiều khó khăn, bệnh cúm gia cầm tái phát, giá cả các sản phẩm đầu ra không ổn định và duy trì ở mức thấp, người nuôi không có lãi gây khó khăn trong định hướng đầu tư tái đàn. Theo số liệu điều tra ngày 01/7/2017, số lượng đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh như sau:

- Đàn heo: 340.442 con, đạt 86,19% KH, giảm 52.045 con so cùng kỳ.
- Đàn bò: 198.650 con, đạt 94,6%, giảm 6.731 con.
- Đàn trâu 756 con, đạt 95,7%, giảm 51 con.
- Đàn gia cầm: 4,063 triệu con, đạt 90,3%, giảm 118 ngàn con.

Trong quý, tiêm phòng cúm 944,2 ngàn gia cầm, tiêm LMLM 6.867, gia súc, tiêm đại chó, mèo 1,9 ngàn con, phòng bệnh thường xuyên 112 ngàn gia súc; kiểm dịch trên 54,8 ngàn gia súc, 354,7 ngàn gia cầm, hơn 79 tấn thịt gia súc, gia cầm; vận động 888 hộ cam kết tiêm phòng. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng cúm 2,5 triệu gia cầm (đạt 84% so diện tiêm); tiêm phòng LMLM 27,8 ngàn gia súc (đạt 36% so diện tiêm); tiêm phòng đại chó, mèo 6.716 con; phòng bệnh thường xuyên cho 719,2 ngàn gia súc (Dịch tả 237,6 ngàn con, đạt 66% tổng đàn; Tụ huyết trùng 239 ngàn con, đạt 66,4% tổng đàn; Phó thương hàn 243 ngàn con, đạt 67,3% tổng đàn); kiểm dịch trên 326,7 ngàn gia súc, 2,3 triệu gia cầm, 542 tấn thịt gia súc, gia cầm; vận động 15.684 hộ cam kết tiêm phòng.

Nguồn kinh phí năm 2016 chuyển sang 3,7 tỷ đồng, tiếp tục hỗ trợ đầu tư 413 công trình khí sinh học và 665 liều tinh, đã quyết toán 2,1 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay đã hỗ trợ mua 35 con heo, bò đực giống, xây dựng 4.736 công trình khí sinh học, 1.636 liều tinh, 48 bình nitơ lỏng, đào tạo 24 dẫn tinh viên, đã quyết toán 23,6 tỷ đồng theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg. Năm 2017 đến nay chưa được bố trí vốn

Thẩm định và cấp 21 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y và thú y thủy sản; kiểm tra, cấp 33 giấy chứng nhận hành nghề thú y. Nâng tổng số đến nay thẩm định, cấp 134 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y và thú y thủy sản; kiểm tra 191 cấp giấy chứng nhận hành nghề thú y.

Trong quý có 01 cơ sở giết mổ gia súc tập trung đi vào hoạt động. Nâng tổng số hiện nay toàn tỉnh có 15 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung hoạt động ổn định, gồm: 11 cơ sở giết mổ gia súc (giết mổ từ 30 - 180 con/cơ sở/đêm), 4 cơ sở giết mổ gia cầm (giết mổ từ 300 - 2.000 con/cơ sở/đêm).

Duy trì 11 mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm với Công ty Cổ phần chăn nuôi CP-Việt Nam (07 mô hình nuôi gà, 04 mô hình nuôi heo), quy mô 36.000 con gà và 2.000 con heo thịt.

Phối hợp với Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo, gia cầm, trứng gia cầm trên địa bàn tỉnh.

c) **Thủy sản:** Trong quý sản lượng thu hoạch 63.707 tấn. Nâng tổng sản lượng đã thu hoạch 140.893 tấn (đạt 83% kế hoạch), tăng 17.163 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

Nuôi thủy sản: Diện tích 12.769 ha, thu hoạch 36.786 tấn. Nâng đến nay diện tích thả nuôi 52.202 ha, vượt 21% kế hoạch, nhanh hơn cùng kỳ 11.487 ha; thu hoạch 82.661 tấn, đạt 81,6% kế hoạch cả năm, cao hơn cùng kỳ 12.401 tấn, cụ thể:

- Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 11.058 ha (1,3 tỷ con giống), thu hoạch 20.083 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 49.569 ha (5,15 tỷ con giống), gồm: Tôm sú 24.006 ha (1,7 tỷ con giống), tôm chân trắng 6.005 ha (3,32 tỷ con giống), cua biển 18.890 ha (112,9 triệu con giống); thu hoạch 38.496 tấn (cao hơn cùng kỳ 6.883 tấn), gồm: Tôm sú 9.106 tấn (tăng 748 tấn), tôm chân trắng 22.305 tấn (tăng 6.574 tấn), cua biển 5.047 tấn (giảm 825 tấn), còn lại là các loại khác.

- Vùng nước ngọt: Thả nuôi 1.710 ha (70 triệu con giống), thu hoạch 16.704 tấn, nâng tổng số đến nay thả nuôi 2.633 ha (169 triệu con giống), gồm: Cá lóc 251 ha, tôm càng xanh 981 ha, còn lại là cá các loại; thu hoạch 44.166 tấn (cao hơn cùng kỳ 5.519 tấn), gồm: Cá tra 14.162 tấn (tăng 8.368 tấn), tôm càng xanh 668 tấn (tăng 275 tấn), còn lại là các loại khác.

- Tình hình bệnh và thiệt hại con giống: Do mưa nhiều, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng sức khỏe tôm nuôi, giảm sức đề kháng tạo cơ hội cho mầm bệnh phát sinh; trong quý tôm nuôi vẫn còn thiệt hại rải rác, với mức độ thiệt hại tăng so với quý II, tôm chết chủ yếu là do yếu tố môi trường và bệnh đường ruột gây thiệt hại 31 triệu con tôm sú (diện tích 173 ha) và 207 triệu con tôm chân trắng (diện tích 376 ha). Nâng tổng số tôm nuôi bị thiệt hại đến nay có 175 triệu con tôm sú (chiếm 10,2% lượng giống thả nuôi chung, 27% lượng giống thả nuôi thâm canh và bán thâm canh), diện tích 865 ha (chiếm 3,6% diện tích thả nuôi chung, 25,7% diện tích thả nuôi thâm canh và bán thâm canh) và 673 triệu con tôm chân trắng (chiếm 20,2% con giống thả nuôi), diện tích 1.184 ha (chiếm 19,7% diện tích thả nuôi).

Khai thác: Toàn tỉnh có 53 tổ đoàn kết sản xuất trên biển giúp ngư dân an tâm bám biển, liên kết, hỗ trợ sản xuất. Sản lượng khai thác 26.921 tấn (3.205 tấn tôm). Nâng tổng số đến nay sản lượng khai thác 58.232 tấn (8.203 tấn tôm), đạt 85,13% kế hoạch cả năm, tăng 4.762 tấn, gồm: khai thác biển 49.484 tấn (5.642 tấn tôm), khai thác nội đồng 8.748 tấn (2.561 tấn tôm).

Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 5.003 tấn thủy sản (tôm sú 489 tấn, tôm thẻ 2.350 tấn), chế biến 2.892 tấn, tiêu thụ 2.292 tấn, kim ngạch xuất khẩu 16 triệu USD. Nâng đến nay sản lượng các doanh nghiệp thu mua 10.340 tấn thủy sản (tôm sú 895 tấn, tôm thẻ 5.195 tấn), chế biến 5.969 tấn, tiêu thụ 4.844 tấn, kim ngạch xuất khẩu 33,3 triệu USD.

Công tác phòng, chống dịch bệnh: Phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi tôm và giám sát dịch bệnh nhằm chủ động

phòng chống. Kiểm dịch 624 triệu con tôm giống; thực hiện 66 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 101 mẫu giáp xác (23 mẫu tôm nuôi), 33 mẫu nước ao nuôi phân tích phục vụ nuôi thủy sản. Kết quả 13 mẫu giáp xác nhiễm đốm trắng, 10 mẫu nước có Vibrio. Kiểm tra tình hình sử dụng 90 tấn Chlorine từ nguồn dự trữ quốc gia để xử lý mầm bệnh, kết quả đã sử dụng 87,45 tấn, tồn 2,55 tấn.

Xét duyệt đóng mới 08 tàu, lũy kế đến nay đã xét duyệt hỗ trợ đóng mới 11 tàu; các tổ chức tín dụng đã giải ngân 130 tỷ đồng, đạt 90% số tiền cam kết cho vay, 02 tàu đã đi vào hoạt động; hỗ trợ mua bảo hiểm 1,7 tỷ đồng, hỗ trợ chi phí vận chuyển hàng hóa cho tàu làm dịch vụ 280 triệu đồng theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

d) Lâm nghiệp:

Thực hiện giao khoán bảo vệ 5.164 ha rừng, chăm sóc 626,5 ha; trồng 20 ha rừng và 1.680 cây lâm nghiệp phân tán, nghiệm thu vệ sinh phòng cháy rừng, diện tích 254 ha. Kiểm tra vườn ươm cây giống chuẩn bị trồng 457 ha rừng phòng hộ và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch. Tổ chức 736 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 04 trường hợp vi phạm, đã tiến hành xử lý theo quy định; tịch thu, thả về môi trường tự nhiên 5 kg rắn ráo và rắn sọc dưa. Tận thu 1.163 m³ gỗ thiệt hại do nấm bệnh và do thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh.

Tổ chức 17 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng cho 510 hộ dân sống tiếp giáp với rừng trên địa bàn huyện cầu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải.

f) Phát triển nông thôn:

Nông thôn mới:

- Các địa phương lồng ghép tuyên truyền cho 26.775 lượt người. Nâng tổng số đến nay địa phương lồng ghép tuyên truyền cho 75.868 lượt người, công nhận 214 ấp nông thôn mới (chiếm 31,4%); 138.367 hộ nông thôn mới (chiếm 62% số hộ phát động). Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí có 23 xã đạt 19 tiêu chí, 04 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 39 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 19 xã đạt dưới 10 tiêu chí.

- Tham mưu phân bổ 186,9 tỷ đồng (vốn Trung ương 116,9 tỷ đồng, ngân sách tỉnh 70 tỷ đồng) cho các địa phương triển khai thực hiện đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, giải ngân 15 tỷ đồng.

Làng nghề, ngành nghề nông thôn: Trình hội đồng xét duyệt công nhận làng nghề bó chổi xã Tân Hòa và sản xuất cốm dẹp xã Nhị Trường. Tổng hợp, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án đào tạo nghề lao động nông thôn; thu thập, tổng hợp thông tin tình hình sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn năm 2017.

Chương trình bố trí dân cư: Tiếp tục theo dõi tiến độ thi công Kè chống sạt lở bảo vệ khu vực thị trấn Tiểu Cần, nghiệm thu giai đoạn đạt 72% khối lượng; dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng trình UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán điều chỉnh, giám sát kiểm tra tiến độ thi công hạng mục đang thi công. Hỗ trợ di dời 03 hộ thuộc ấp Cồn Trứng xã Trường Long Hòa bị ảnh hưởng sạt lở vào nơi ở mới, an toàn; thực hiện các công việc chuẩn bị tiếp tục di dời 10 hộ bị ảnh hưởng sạt lở vào khu di dân tập trung.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tổ chức lựa chọn nhà thầu Dự án mở rộng tuyến ống cấp nước trạm cấp nước xã Nhị Long; dự án nâng cấp nhà máy nước sạch xã Đại Phước, khối lượng thực hiện đạt 90%; dự án nâng cấp, mở rộng nhà máy nước sạch xã An Trường khối lượng thực hiện đạt 90%; tiếp tục sửa chữa duy tu, bảo dưỡng các trạm cấp nước 134. Trong quý lắp đặt cho 2.619 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 102.065 hộ, nâng tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 87,5% (sử dụng nước sạch theo quy chuẩn 02/2009/BYT đạt 56,5%).

3. Kết quả thực hiện tái cơ cấu:

Cơ cấu nội ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 71,26% (9 tháng đầu năm 2016) xuống còn 68,23% (9 tháng đầu năm 2017), tăng dần tỷ trọng ngành thủy sản từ 27,73% lên 30,6%; chuyển 1.042 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm kết hợp nuôi thủy sản, gồm trồng cây ngắn ngày 605 ha, trồng cây ăn trái 267 ha, trồng dừa 79 ha, nuôi thủy sản 91 ha; nuôi thủy sản phát triển khá, đặc biệt là diện tích nuôi tôm nước lợ 9 tháng đầu năm trên 30.000 ha (tăng gần 6.000 ha so với cùng kỳ) chuyển từ nuôi tôm sú sang nuôi tôm thẻ chân trắng hơn 929 ha, chuyển từ hình thức nuôi quảng canh sang nuôi thâm canh và bán thâm canh là 1.320 ha, nâng tổng số đến nay hơn 7.000 ha và có 35 ha nuôi tôm công nghệ cao, năng suất trung bình từ 50-70 tấn/ha.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYÊN NGÀNH

1. Công tác quy hoạch:

Công bố rộng rãi 03 quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt, gồm: Quy hoạch ngành nông nghiệp, quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Tổ chức lấy ý kiến đóng góp các Sở, ngành, địa phương để hoàn chỉnh làm cơ sở thông qua Hội đồng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía và quy hoạch chăn nuôi, giết mổ tập trung.

Tiếp tục triển khai xây dựng Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, quy hoạch nuôi tôm nước lợ; quy hoạch thủy lợi; quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

Chuẩn bị lấy ý kiến đề cương dự toán 2 dự án quy hoạch: Khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp đô thị.

Xin chủ trương lập quy hoạch vùng sản xuất lúa hữu cơ đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Tham mưu xử lý, ban hành văn bản:

Trình Ban cán sự UBND tỉnh trình Tỉnh ủy Nghị quyết Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực đến năm 2025.

Lấy ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực đến năm 2020.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: Công văn số 2331/UBND-NN về định mức giá nhân công phục vụ các công trình lâm sinh trên địa bàn tỉnh; Công

văn số 2611/UBND-NN về chủ trương thực hiện Đề án giao đất, giao rừng gắn với quyền sử dụng đất lâm nghiệp; Quyết định 1357/QĐ/UBND Phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; Quyết định 1547/QĐ-UBND điều chỉnh lại Phương án trồng rừng thay thế; kế hoạch 07/KH-UBND thực hiện Đề án thí điểm, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới; 31/KH-UBND kế hoạch thực hiện phong trào thi đua Đổi mới, phát triển các HTX nông nghiệp theo Luật HTX góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng, trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 03/11/2016 của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp đến năm 2020, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 23/01/2017 của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; kế hoạch giao chỉ tiêu thu quỹ phòng chống thiên tai năm 2017; Phương án ứng phó sự cố thiên tai năm 2017 và Phương án ứng phó bão mạnh, siêu bão.

Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án phát triển lâm nghiệp bền vững rừng phòng hộ giai đoạn 2018-2020.

Đề xuất nội dung chương trình làm việc của Ban thường vụ Tỉnh ủy năm 2018; hoàn chỉnh kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn và tổng hợp kế hoạch hỗ trợ phát triển chăn nuôi nông hộ năm 2018.

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các nhóm giải pháp chủ yếu và giao nhiệm vụ trong chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2017; kế hoạch kiểm tra công trình phục vụ công tác phòng chống thiên tai; kế hoạch phát động phong trào thi đua trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2017-2020.

Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; Ban Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch bảo vệ và Phát triển rừng; kiện toàn và xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng khoa học công nghệ và Hội đồng xét duyệt sáng kiến cấp cơ sở.

Hoàn chỉnh Kế hoạch tập huấn giảng viên nguồn và cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện về tái cơ cấu nông nghiệp, kinh tế hợp tác, an toàn vệ sinh thực phẩm và quản lý môi trường nông thôn theo chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Đề xuất các nhiệm vụ dự án phục vụ xây dựng chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên môi trường biển và hải đảo; đăng ký nội dung thực hiện chương trình tăng trưởng xanh của ngành giai đoạn 2017-2020.

3. Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

Các địa phương tổ chức thực hiện 103 công trình thủy lợi nội đồng, nâng tổng số 9 tháng thực hiện 578 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 418.109 m, khối lượng trên 1,23 triệu m³ (vượt 4,5% kế hoạch).

Tổ chức 52 đợt kiểm tra, phát hiện xử lý 02 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, nâng tổng số đến nay tổ chức 137 đợt kiểm tra, phát hiện xử lý 22 trường hợp vi phạm đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

Trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xử lý sục lún, hư hỏng 60 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh và thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình duy tu bảo dưỡng đê điều năm 2018.

Nghiệm thu công trình nạo vét 19 kênh cấp II trên địa bàn huyện Duyên Hải, Cầu Ngang và thành phố Trà Vinh. Nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng công trình Duy tu, sửa chữa tuyến đê biển đoạn Tổng Long – Bắc Trang, sửa chữa 05 cầu giao thông trên tuyến đê Tả - Hữu Sông Cổ Chiên, nghiệm thu kỹ thuật công trình xử lý sục lún mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh (giai đoạn 1).

Kết hợp các sở, ngành và địa phương khảo sát thống nhất tuyến đê và công tác giải phóng mặt bằng công trình Đê ven cửa sông Cổ chiên bảo vệ khu dân cư thị trấn Mỹ Long huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2); khảo sát sạt lở các tuyến đê bao trên địa bàn huyện Cầu Kè để có kế hoạch gia cố, xử lý.

Tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai và báo cáo theo quy định, tham mưu đề xuất xử lý kịp thời khi có tình huống xảy ra; thu hồi các máy bộ đàm cố định không sử dụng để trang bị cho tàu cá phục vụ công tác phòng, chống thiên tai; triển khai Kế hoạch phòng chống thiên tai và Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai năm 2017; theo dõi, tổng hợp thu, nộp quỹ phòng chống thiên tai đến nay được gần 3,15 tỷ đồng, đạt 28,5% kế hoạch.

4. Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi tiến độ thực hiện 19 dự án (02 dự án khởi công mới, 14 dự án chuyển tiếp, 03 dự án hoàn thành), gồm: 05 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 03 công trình phục vụ trồng trọt; 04 công trình đê, kè; 07 công trình dân dụng, đã giải ngân 132,3 tỷ đồng, đạt 64,8% kế hoạch.

5. Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

Tổ chức 05 lớp tập huấn củng cố hợp tác xã, cho 150 lượt người. Trong quý đã thành lập mới được 6 HTX hoạt động theo Luật HTX 2012, nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 61 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đăng ký danh sách các HTX xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp tốt theo tiêu chuẩn VietGAP với Sở Khoa học Công nghệ và Sở Công thương; Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ 12 HTX kiểu mới; đề nghị Sở Tài chính phân bổ 734 triệu đồng về địa phương hỗ trợ cán bộ trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học về làm việc có thời hạn tại hợp tác xã.

6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

Vệ sinh an toàn thực phẩm:

- Tổ chức 52 lớp tập huấn kiến thức về VSATTP cho 2.108 lượt người tại các xã nông thôn mới.

- Tổ chức 14 cuộc thanh tra chuyên ngành ATTP tại 63 cơ sở, kết quả 52 cơ sở chưa thực hiện đầy đủ các quy định về ATTP; kiểm tra, đánh giá, phân loại 96 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản, kết quả xếp loại 66 cơ sở loại A, 25 cơ sở loại B, 05 cơ sở ngưng hoạt động; cấp 27 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 314 mẫu. Nâng tổng số đến nay tổ chức 25 cuộc thanh tra chuyên ngành ATTP tại 82 cơ sở kinh doanh thực phẩm tươi sống, sản xuất cà phê, thủy sản, thủy sản khô, rau củ, gạo, thực

phẩm đông lạnh..., kết quả 76 cơ sở vi phạm, đoàn kiểm tra đã nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục; kiểm tra, đánh giá, phân loại 294 cơ sở sản xuất kinh doanh nông, thủy sản, kết quả xếp loại 183 cơ sở loại A, 99 cơ sở loại B, 12 cơ sở ngưng hoạt động; cấp 102 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 730 mẫu (365 mẫu nông sản, 365 mẫu thủy sản), kết quả phát hiện 20 mẫu vi phạm, cơ quan chuyên môn nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục.

- Kết hợp Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tập huấn cho 56 hộ chăn nuôi heo tham gia đề án truy xuất nguồn gốc thịt heo.

Quản lý tàu cá, cảng cá:

- Thực hiện kiểm tra an toàn kỹ thuật 414 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 120 tàu, đăng ký 150 tàu, xóa bộ 09 tàu, cấp 153 sổ danh bạ (633 thuyền viên); cấp 181 giấy phép khai thác thủy sản, 10 giấy chứng nhận ATTP. Toàn tỉnh hiện có 1.227 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 127.422 CV (277 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

- Tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 14.868 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 21.871 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 1,09 tỷ đồng.

Thanh tra, kiểm tra: Đoàn thanh tra chuyên ngành tổ chức 34 cuộc thanh tra về ATTP, vật tư nông nghiệp, quản lý giống thủy sản, quản lý rừng và động vật hoang dã đối với 722 cá nhân, tổ chức; ban hành 69 quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Kết hợp thu 25 mẫu vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, thực phẩm (05 mẫu thức ăn thủy sản, 06 mẫu thức ăn chăn nuôi, 02 mẫu thuốc thú y, 12 mẫu thực phẩm thủy sản). Nâng tổng số tổ chức 67 cuộc thanh tra chuyên ngành về ATTP, vật tư nông nghiệp, sản phẩm động vật, quản lý giống thủy sản, quản lý rừng và động vật hoang dã đối với 1.386 cá nhân, tổ chức, ban hành 117 quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Kết hợp thu 115 mẫu sản phẩm kiểm tra chất lượng, kết quả 10 mẫu vi phạm.

7. Công tác khuyến nông và công tác giống:

Công tác khuyến nông:

- Tổ chức 83 lớp tập huấn kỹ thuật canh tác lúa, trồng rau màu, nuôi thủy sản cho 2.383 lượt người, tư vấn trực tiếp cho 3.072 lượt hộ về quy trình cải tạo ao, chọn con giống, kỹ thuật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 330 lớp tập huấn kỹ thuật canh tác lúa, trồng rau màu, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kỹ thuật chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi thủy sản cho 9.502 lượt người. Phân công 13 viên chức trực tiếp tư vấn hỗ trợ kỹ thuật cho 5.922 lượt hộ về quy trình cải tạo ao, chọn giống, kỹ thuật nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và những lưu ý trong nuôi tôm nước lợ.

- Tổ chức 08 cuộc hội thảo, tổng kết đánh giá mô hình; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 02 chuyên mục, 03 cuộc tọa đàm và 03 bản tin thời sự, thời lượng phát sóng 90 phút.

- Tiếp tục theo dõi 34 mô hình đang triển khai thực hiện như bắp chuyển đổi gen, thâm canh cây gấc, luân canh lúa - tôm thẻ, cà chua theo hướng an toàn sử dụng màng phủ nông nghiệp, xây dựng cánh đồng lớn thâm canh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất lúa, xây dựng và nhân rộng mô hình giảm lượng hạt giống gieo sạ trong sản xuất lúa, canh tác lúa thông minh thích ứng với biến

đôi khí hậu, nuôi vịt biển, chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, nuôi tôm nước lợ kết hợp cá đối mục,...

Công tác giống:

- Giống cây trồng: Khảo nhiệm 04 bộ giống lúa, gồm bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh, diện tích 0,5 ha, đã thu hoạch dứt điểm, kết quả chọn ra được các giống có năng suất và ít nhiễm sâu bệnh tiếp tục khảo nghiệm vụ tiếp theo. Sản xuất 41,3 ha lúa giống cấp xác nhận 1, thu hoạch 30,8 ha, năng suất trung bình 5,2 tấn/ha; ghép 2.120 nhánh bưởi da xanh và ươm 840 trái dứa giống; cung ứng 70,13 tấn lúa giống (11 tấn giống cấp nguyên chủng), nhập 10.816 cây giống các loại, cung ứng 9.900 cây giống các loại.

- Giống thủy sản: Thực hiện 2 mô hình thực nghiệm: “Sử dụng thức ăn chế biến trong ương lươn từ giai đoạn giống nhỏ (500 con/kg) lên giống lớn (40 – 60 con/kg)” đến nay đạt trọng lượng 200 con/kg và mô hình “Nuôi tôm càng xanh cái giả tạo nguồn bố mẹ”, tôm phát triển bình thường. Chuyển giao công nghệ ương giống lươn đồng từ hương lên giống; tổ chức 07 cuộc tập huấn, hội thảo cho 298 lượt người về kỹ thuật chọn, thuần dưỡng giống tôm sú, cua biển, tôm chân trắng, tôm càng xanh. Sản xuất, cung ứng và điều tiết 11,44 triệu con tôm sú; 8,4 triệu con tôm thẻ chân trắng; 1,6 triệu con cua biển; 5,8 triệu con tôm càng xanh toàn đực và 7,9 tấn cá giống các loại.

- Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình “gà tàu vàng lai gà nòi” tại huyện Cầu Ngang và Tiểu Cần, qui mô 500 con/mô hình. Gà được 190 ngày tuổi, trọng lượng 1,6 kg/con, phát triển bình thường.

8. Về tình hình hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp 2017:
Các đơn vị được phân công hỗ trợ triển khai thực hiện cụ thể các công việc:

Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản phối hợp tổ chức tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm ngành nông nghiệp cho 44 cán bộ xã; phối hợp với Sở Công thương thành phố Hồ Chí Minh tập huấn đeo vòng nhận diện theo Đề án quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo cho 08 hộ chăn nuôi heo; thành lập HTX trồng rau màu an toàn Tân Bình.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với huyện Trà Cú hỗ trợ xây dựng mô hình chăn nuôi bò vỗ béo và vùng an toàn dịch bệnh LMLM gia súc tại xã Ngãi Xuyên. Kết quả thực hiện tiêm phòng LMLM 1.797 gia súc của 523 hộ, đạt 53% tổng đàn, nhằm từng bước xây dựng vùng an toàn dịch bệnh theo quy trình, kỹ thuật; vận động 95 hộ nuôi cá lóc kém hiệu quả sang nuôi tôm thẻ chân trắng, diện tích 19,7 ha; chuyển đổi 27,85 ha vườn nhãn kém hiệu quả sang trồng bưởi da xanh.

Chi cục Thủy sản kết hợp huyện Cầu Ngang hỗ trợ xã Long Sơn tổ chức 08 lớp tập huấn, cho 223 lượt hộ (05 lớp VietGAP trong nuôi thủy sản cho 140 hộ, 03 lớp chăn nuôi cho 83 hộ). Kết hợp dự án AMD thực hiện 02 mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực, đã thả 80.000 con giống, diện tích 0,8 ha, đến nay tôm được 54 ngày tuổi, phát triển bình thường.

Chi cục Trồng trọt và BVTV: Lập kế hoạch hỗ trợ xã điểm Tam Ngãi trong công tác phòng chống dịch bệnh trên cây có múi và cây lúa. Cụ thể: đã chọn 10 ha cam sành đang cho trái tại ấp Bung Lớn B để tư vấn, hướng dẫn tăng cường sử

dụng phân hữu cơ, nhằm hạn chế dịch bệnh, kéo dài tuổi thọ của cây; thả 5.000 con ong mắt đỏ để phòng trừ sâu đục trái bưởi; chọn điểm xây dựng mô hình phòng chống hạn mặn, sử dụng phân bón hữu cơ sinh học trên lúa, diện tích 01 ha

Trung tâm Khuyến nông kết hợp UBND huyện Châu Thành tổ chức 01 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi tôm chân trắng cho 30 nông dân trên địa bàn xã Phước Hảo; xây dựng mô hình luân canh tôm – lúa, diện tích 01 ha, đã thả 400 ngàn con tôm chân trắng.

Chi cục Kiểm lâm kết hợp địa phương hỗ trợ chuyển đổi hình thức nuôi tôm quảng canh cải tiến sang nuôi tôm thâm canh tại ấp La Ghi và Vàm Rạch Cỏ. Tổ chức 12 lớp tập huấn, chuyển giao kỹ thuật nuôi thủy sản thâm canh, kết hợp rừng – tôm cho 305 lượt người; thực hiện 05 mô hình nuôi vịt biển với số lượng 4.000 con, đồng thời tiếp tục chọn hộ thực hiện 02 mô hình nuôi vọt dưới tán rừng. Phát quà hỗ trợ gia đình chính sách, hỗ trợ các em học sinh đầu năm học 1,6 triệu đồng.

Trung tâm Giống kết hợp UBND và Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải xây dựng kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu; tổ chức 02 lớp tập huấn kỹ thuật ương, thuần dưỡng giống tôm sú, tôm thẻ, cua biển cho 60 lượt người.

Chi cục Phát triển nông thôn kết hợp địa phương xây dựng dự thảo kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu trên địa bàn xã Phú Cần; kết hợp Công ty lương thực Trà Vinh hợp đồng tiêu thụ 186 ha lúa, đã thu hoạch 75 ha, thu mua 454 tấn; hỗ trợ HTX Phú Cần liên kết sản xuất, tiêu thụ 200 ha lúa hữu cơ, đã xuống giống 50 ha; xây dựng kế hoạch tổ chức 03 lớp tập huấn củng cố tổ hợp tác, HTX, dự kiến tổ chức vào cuối tháng 9.

Phòng Chính sách và Thông tin kết hợp thành phố Trà Vinh lựa chọn mô hình, xây dựng kế hoạch hỗ trợ tái cơ cấu; hỗ trợ tìm đầu mối tiêu thụ rau màu, gà, heo tuy nhiên địa phương không đáp ứng được yêu cầu của đối tác.

9. Triển khai thực hiện các chính sách:

Trên cơ sở đề nghị của địa phương, ngành nông nghiệp đã tổng hợp kinh phí đề nghị Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ 18,93 tỷ đồng để địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND.

Các tổ chức tín dụng cho 247 ngàn hộ vay sản xuất nông nghiệp, với dư nợ 8.800 tỷ đồng, chiếm 55,74% tổng dư nợ chung, trong đó dư nợ ngắn hạn chiếm 50%, dư nợ trung và dài hạn chiếm 50% theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Xây dựng dự thảo quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại cây trồng, vật nuôi, thủy sản trình UBND tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chuẩn bị tổ chức 25 lớp tập huấn đào tạo nghề cho 750 lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

10. Phối hợp các dự án đầu tư trên địa bàn

Kết hợp dự án Heifer theo dõi 400 con bò đã giao cho 400 hộ, đã sinh 360 con bê và chuyển giao 250 con. Ngoài ra, còn cho 497 lượt hộ vay vốn sản xuất nhỏ với tổng số tiền 2,4 tỷ đồng. Đến nay có 15 hộ thoát nghèo, còn 14 hộ nghèo và

22 hộ cận nghèo. Kết hợp Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tổ chức 02 cuộc hội thảo sản xuất rau an toàn và giải pháp đầu ra và phát triển ngành chăn nuôi tinh Trà Vinh trong thời kỳ hội nhập và điều kiện biến đổi khí hậu.

Kết hợp dự án AMD nghiệm thu tổng kết 4 mô hình năm 2016 chuyển sang. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện 11 mô hình năm 2017, đã thả giống 03 mô hình (tôm càng xanh, tôm sú, ếch) được 60 ngày tuổi, phát triển bình thường.

Kết hợp dự án SME xây dựng kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị cây dứa, đậu phộng trình UBND tỉnh phê duyệt.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

Trong 9 tháng đầu năm, bên cạnh những mặt đạt được trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ của ngành còn gặp những tồn tại, hạn chế sau:

- Diện tích gieo trồng lúa giảm 33.242 ha và năng suất thấp so cùng kỳ; việc chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm khác có hiệu quả cao hơn còn ít và chưa đạt yêu cầu.

- Giá cả đầu ra sản phẩm chăn nuôi ở mức thấp gây khó khăn trong việc định hướng đầu tư tái đàn; bệnh cúm gia cầm, LMLM trên gia súc phát sinh; bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng xảy ra rải rác, cục bộ ở một số địa phương làm ảnh hưởng đến tình hình phát triển chăn nuôi và nuôi tôm nước lợ.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ, công tác kiểm soát, quản lý chất lượng còn nhiều hạn chế.

- Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm vẫn còn xảy ra.

- Cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi thủy sản được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, một số vùng nuôi thâm canh hệ thống giao thông, thủy lợi và điện chưa đồng bộ và hiệu quả phát huy chưa cao; tiến độ thực hiện một số công trình xây dựng cơ bản còn chậm, tiến độ giải ngân thấp.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là Nghị quyết 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh chưa đạt kế hoạch đề ra.

- Công tác phối hợp giữa các phòng, đơn vị trực thuộc và địa phương trong việc phân công hỗ trợ xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 54/QĐ-SNN của Giám đốc Sở còn rất chậm.

2. Nguyên nhân:

Do thực hiện chủ trương giảm diện tích lúa 3 vụ để tránh thiệt hại do hạn, mặn nên diện tích gieo trồng thấp hơn các năm trước; ảnh hưởng của xâm nhập mặn năm trước, mưa lớn, gió giật mạnh làm lúa đổ ngã, chuột gây hại... làm giảm năng suất.

Chưa liên kết được đầu của các sản phẩm cây màu nên nông dân không mạnh dạn chuyển đổi

Việc chỉ đạo, quản lý sản xuất hiện nay chủ yếu thông qua công tác thông tin, tuyên truyền, khuyến cáo, người dân chưa có ý thức cao trong việc sản xuất

theo quy hoạch nên chưa khắc phục được tình trạng sản xuất tự phát, chạy theo phong trào, theo thời giá, cơ cấu giống và cơ cấu mùa vụ

Công tác phòng, chống dịch bệnh trên vật nuôi chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng, chống, chưa chủ động tiêm phòng. Nuôi thủy sản chưa tuân thủ quy trình cải tạo ao nuôi, sử dụng con giống chưa qua kiểm dịch, không có ao lắng, lọc để xử lý nước,...

Tình trạng vi phạm về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm còn cao; sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, quản lý giống, vật tư nông nghiệp đôi lúc còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ.

Một số phòng, đơn vị chưa nhiệt tình trong việc hỗ trợ địa phương thực hiện tái cơ cấu theo chỉ đạo của Giám đốc Sở.

Hầu hết các chính sách giao về cho các địa phương (UBND các huyện, thị xã, thành phố) triển khai thực hiện. Tuy nhiên, một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn nên hiệu quả của một số chính sách thực hiện chưa cao.

IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 3 THÁNG CUỐI NĂM

Trên cơ sở kết quả đạt được trong 9 tháng đầu năm và dự báo tình hình thực tế sản xuất ở địa phương. Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao, trong thời gian còn lại của năm 2017 Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt - bảo vệ thực vật:

+ Tập trung hướng dẫn nông dân chăm sóc tốt diện tích lúa Thu Đông -- mùa, đồng thời quan tâm chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện tốt nhất để xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2017-2018 theo lịch thời vụ, vận động nông dân sử dụng cơ cấu giống theo khuyến cáo. Kết hợp địa phương tiếp tục chỉ đạo chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng bắp theo Quyết định số 915/QĐ-TTg ngày 27/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục hỗ trợ xây dựng Phương án cánh đồng lớn trên các loại cây trồng (mô hình hợp tác, tiêu thụ sản phẩm).

+ Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Kết hợp địa phương thống nhất kết thúc gieo trồng màu năm 2017, thống kê diện tích, năng suất, sản lượng; hướng dẫn chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh gây hại; đồng thời triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2018 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết nguyên đán.

+ Hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu, bệnh trên cây ăn trái và cây dứa; vận động nông dân cải tạo vườn tạp, chăm sóc tốt vườn cây hiện có; thực hiện Đề án phòng trừ bọ cánh cứng hại dứa bằng ong ký sinh, bọ đuôi kim, tăng cường công tác nhân nuôi để tăng số lượng mummy, bọ đuôi kim theo kế hoạch; đánh giá hiệu quả các mô hình phòng, trừ sâu đục trái bưởi để nhân rộng.

+ Xây dựng và kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh trên lúa và các loại cây trồng khác; phân công cán bộ chuyên môn trực tiếp phụ trách địa bàn,

kiểm tra đồng ruộng, tư vấn, hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại từ lúc gieo sạ đến giai đoạn an toàn.

b) Chăn nuôi – thú y: Tập trung chỉ đạo cho công tác phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là những nơi đã xảy ra dịch, những vùng có nguy cơ cao, vùng ổ dịch cũ, tăng cường các biện pháp kiểm tra, kiểm soát chủ động áp dụng các biện pháp phòng, chống ngăn ngừa sự phát sinh và lây lan của dịch bệnh; tuyên truyền, vận động nông dân chăm sóc tốt đàn vật nuôi đặc biệt là trong điều kiện giá cả đầu ra sụt giảm và thời điểm giao mùa cuối năm; quan tâm thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn vật nuôi. Tuyên truyền, vận động hộ chăn nuôi ký cam kết tiêm phòng cho đàn vật nuôi, liên kết trong chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc; tiếp tục cấp sổ quản lý chăn nuôi và thực hiện vệ sinh tiêu độc khử trùng theo quy định; tăng cường công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh nhằm chủ động ngăn chặn nguy cơ dịch bệnh lây lan. Xúc tiến xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung theo quy hoạch, thu hẹp dần các điểm giết mổ nhỏ lẻ; sắp xếp lại các chợ mua bán gia cầm, sản phẩm gia súc, gia cầm đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Quản lý các cơ sở chăn nuôi heo đực giống và dịch vụ gieo tinh nhân tạo.

c) Lâm nghiệp: Triển khai kế hoạch trồng rừng và trồng cây lâm nghiệp phân tán theo kế hoạch; tổ chức nghiệm thu công trình trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng năm 2017; tiếp tục tuyên truyền công tác bảo vệ và phát triển rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và tình hình mua bán, vận chuyển động vật hoang dã. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng mùa khô năm 2018, tuyệt đối không để xảy ra cháy rừng; khảo sát thiết kế và xây dựng dự toán trồng rừng và phòng chống cháy rừng năm 2018.

d) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2017; tổ chức Hội nghị tổng kết nuôi trồng thủy sản năm 2017 và triển khai kế hoạch 2018; xây dựng và ban hành lịch thời vụ thả nuôi năm 2018; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học, thức ăn dùng trong nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm siêu thâm canh và kỹ thuật nuôi hào trên bè. Kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản; thực hiện thu mẫu giáp sát tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão.

2. Phát triển nông thôn:

Tập trung, nguồn lực để hoàn 8 xã đạt 19/19 tiêu chí, nâng tổng số cả năm có 31/85 xã đạt 19/19 tiêu chí và trình UBND tỉnh ra quyết định công nhận, đồng thời duy trì và nâng chất lượng các tiêu chí đã đạt; khẩn trương triển khai thực hiện các nguồn vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ sản xuất, cố gắng giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ; hoàn chỉnh tài liệu và triển khai tập huấn các chuyên đề xây dựng nông thôn mới năm 2017. Tham mưu tổ chức Hội nghị sơ kết Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình xây dựng nông thôn mới ở các xã trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh: Phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện Đề án “Mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực”; công nhận làng nghề Làng nghề Cốm dẹp xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang.

Nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng công trình kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông bảo vệ 89 hộ dân khu vực thị trấn Tiểu Cần; nghiệm thu giai đoạn và nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng đường giao thông liên ấp dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa; phối hợp Ủy ban nhân dân xã Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh hỗ trợ di dời 64 hộ bị ảnh hưởng sạt lở vào vùng di dân tập trung an toàn.

Tổ chức tập huấn củng cố, thành lập mới 13 hợp tác xã, củng cố 2 tổ hợp tác; ban hành Kế hoạch hỗ trợ 12 hợp tác xã kiểu mới. Tổ chức hội nghị triển khai Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 02/3/2017 của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; duy trì hoạt động 162 trạm cấp nước hiện có, tăng thêm 2.500 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, phấn đấu đến cuối năm có trên 88% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

3. Công tác chuyên ngành:

Công tác quy hoạch: Hoàn chỉnh Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch vùng nguyên liệu mía; Quy hoạch chăn nuôi và giết mổ tập trung; Quy hoạch thủy lợi; Quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn và Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ. Chuẩn bị triển khai xây dựng Quy hoạch khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Vùng sản xuất nông nghiệp đô thị; Vùng sản xuất lúa hữu cơ.

Công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật: Tổ chức 30 lớp tập huấn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; tiếp tục phân công cán bộ tư vấn trực tiếp kỹ thuật nuôi tôm nước lợ tại các huyện ven biển; tổng kết, đánh giá mô hình đang thực hiện làm cơ sở nhân rộng; triển khai thực hiện các mô hình kết hợp với dự án AMD. Kết hợp Đài Phát thanh – Truyền hình thực hiện các phóng sự, chuyên mục, các tin thời sự về khuyến nông.

Tiếp tục thực hiện và hoàn thành các mô hình thực nghiệm, khảo nghiệm và nhân giống; chuyển giao công nghệ ương giống lươn đồng bán nhân tạo cho cho các cơ sở sản xuất giống; tiếp tục sản xuất, cung ứng và điều tiết giống lúa, giống thủy sản và các loại cây ăn trái cho người dân có nhu cầu.

Về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm: Tổ chức tập huấn, tuyên truyền công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về ATTP nông, thủy sản; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch ngẫu nhiên, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản; thu mẫu giám sát chuỗi an toàn thực phẩm; tiếp tục làm việc với cơ sở sản xuất trứng gà hướng dẫn xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; xác nhận kiến thức ATTP cho các hộ nuôi heo đã đăng ký tham gia Đề án nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo.

Tiếp tục thực hiện thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT về kiểm tra đánh giá phân loại cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản.

Tăng cường công tác quản lý vật tư nông nghiệp nhằm hạn chế tình trạng hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết cung ứng giống cây trồng, thủy sản; theo dõi các mô hình sản xuất giống đang thực hiện; tiếp tục tổ chức chuyển giao kỹ thuật ương lươn hương lên lươn giống (phần thực hành); tổ chức lớp hội thảo đánh giá hiệu quả mô hình ương lươn đồng.

Thường xuyên kiểm tra đê điều, mực nước trong nội đồng, vận hành công ngăn triều cường, tiêu úng đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất; tổ chức trực phòng chống thiên tai và theo dõi tình hình thời tiết để tham mưu, xử lý kịp thời. Kết hợp địa phương tổng kết công tác thủy lợi nội đồng năm 2017. Theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả đăng nộp quỹ phòng chống thiên tai. Tập trung đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, giải ngân hết nguồn vốn được phân bổ.

Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu tiền cung cấp dịch vụ đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tăng cường triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn như chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ chuyển từ trồng lúa sang trồng bắp theo Quyết định 915/QĐ-TTg; chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND,...

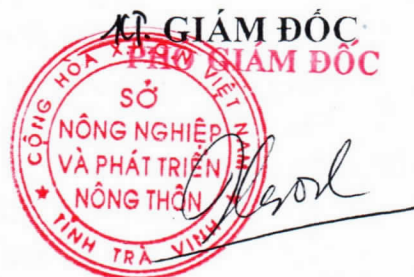
Các phòng, đơn vị được phân công hỗ trợ thực hiện tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo Quyết định số 54/QĐ/SNN của Giám đốc Sở tiếp tục kết hợp địa phương triển khai thực hiện tốt các phần việc theo kế hoạch đề ra. Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục chăn nuôi và Thú y, Trung tâm Giống, Phòng Chính sách và Thông tin khẩn trương thống nhất hoàn chỉnh kế hoạch hỗ trợ để triển khai thực hiện.

4. Tổ chức thực hiện

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, phòng thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng kinh tế thị xã, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Ngọc Hải

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện quý III	Thực hiện tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2017	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.610	6.300	768	276	3.544	98,16%	56,25%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.380	6.300	1.153	849	3.464	102,49%	54,98%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,50	54,44	53,83	54,69	55,30	101,47%	101,57%
	- Sản lượng	Tấn	18.421	34.300	6.207	4.643	19.156	103,99%	55,85%
	Khoai lang								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.014,19	1.200	299	65,82	1.053	103,81%	87,74%
	+ Diện tích thu hoạch	"	918,52	1.200	257	135	850	92,54%	70,83%
	+ Năng suất	Tạ/ha	174,20	160,00	179,61	191,11	174,20	100,00%	108,88%
	+ Sản lượng	Tấn	16.001	19.200	4.616	2.580	14.807	92,54%	77,12%
	Sắn								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	771,95	1.000	267	124,05	717	92,89%	71,71%
	+ Diện tích thu hoạch	"	671,56	1.000	250	195,00	582	86,66%	58,20%
	+ Năng suất	Tạ/ha	151,20	160,00	138,51	138,7	151,20	100,00%	94,50%
	+ Sản lượng	Tấn	10.154	16.000	3.463	2.705	8.800	86,66%	55,00%
1.2.2	Cây có củ khác								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	415,52	650	134	34,30	406	97,78%	62,51%
	+ Diện tích thu hoạch	"	365,00	650	115	57,00	317	86,85%	48,77%
1.2.3	Cây thực phẩm								
	<i>DT gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>24.471</i>	<i>30.000</i>	<i>6.950</i>	<i>2.187</i>	<i>23.915</i>	97,73%	79,72%
	<i>DT thu hoạch</i>	<i>Ha</i>	<i>21.815</i>	<i>30.000</i>	<i>8.003</i>	<i>4.659</i>	<i>21.599</i>	99,01%	72,00%
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>517.129</i>	<i>690.000</i>	<i>190.871</i>	<i>116.450</i>	<i>481.710</i>	93,15%	69,81%
	Rau các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	23.799,43	29.200	6.860	2.167,05	23.357	98,14%	79,99%
	+ Diện tích thu hoạch	"	21.180,00	29.200	7.862	4.636,00	21.086	99,56%	72,21%
	+ Năng suất	Tạ/ha	243,70	235,85	242,45	251,06	228,00	93,56%	96,67%
	+ Sản lượng	Tấn	516.157	688.680	190.611	116.393	480.761	93,14%	69,81%
	Đậu các loại								
	+ DT gieo trồng	Ha	671,86	800	90	19,45	558	82,98%	69,69%
	+ Diện tích thu hoạch	"	635,45	800	141	23	513	80,73%	64,13%
	+ Năng suất	Tạ/ha	15,30	1,65	18,44	24,8	18,50	120,94%	1121,21%
	+ Sản lượng	Tấn	972	1.320	260	57	949	97,63%	71,90%
1.2.4	Cây công nghiệp hàng năm								
	<i>DT gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>14.000</i>	<i>16.350</i>	<i>1.995</i>	<i>548</i>	<i>15.795</i>	112,82%	96,61%
	<i>DT thu hoạch</i>	<i>Ha</i>	<i>12.470</i>	<i>16.350</i>	<i>3.872</i>	<i>1.457</i>	<i>13.238</i>	106,16%	80,97%
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>490.418</i>	<i>651.150</i>	<i>166.071</i>	<i>48.449</i>	<i>549.447</i>	112,04%	84,38%
	Đậu phộng								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.404	5.000	290	71	4.108	93,27%	82,16%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.086	5.000	127	5,00	3.598	88,05%	71,96%
	+ Năng suất	Tạ/ha	52,60	52,30	54,00	128,60	53,50	101,71%	102,29%
	+ Sản lượng	Tấn	21.492,99	26.150	686	64	19.249,30	89,56%	73,61%
	Mía								
	+ Diện tích trồng	Ha	4.786	5.500	320	16,82	5.495	114,81%	99,91%
	+ Diện tích thu hoạch	"	4.224	5.500	1.515	381	4.781	113,19%	86,93%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.075	1.091	1.069	1.199	1.074	99,95%	98,45%
	+ Sản lượng	Tấn	453.838	600.000	161.912	45.671	513.479	113,14%	85,58%
	Cây lác (cói)								
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.994	2.500	637	230,8	2.078	104,22%	83,11%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.486,4	2.500	383	260,0	1.548,0	104,14%	61,92%
	+ Năng suất	Tạ/ha	101,50	102,00	90,66	104,4	108,00	106,40%	105,88%
	+ Sản lượng	Tấn	15.087	25.000	3.472	2.713	16.718	110,81%	66,87%
	Cây trồng khác	Ha	2.816	3.350	748	1.558	4.114	146,13%	122,82%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.816	3.350	748	229	4.114	146,13%	122,82%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.674	3.350	1.847	811	3.311	123,82%	98,84%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện quý III	Thực hiện tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2017	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
II	Cây lâu năm								
	- Cây ăn quả								
	+ Diện tích	ha	17.773	17.790	49		17.731	99,76%	99,67%
	+ Sản lượng	tấn	163.956	200.000	45.514		177.310	108,14%	88,66%
	- Cây dứa								
	+ Diện tích	ha	19.980	20.000	10		20.673	103,47%	103,37%
	+ Sản lượng	tấn	172.328	220.000	60.385		178.284	103,46%	81,04%
C	CHĂN NUÔI								
	- Tổng đàn trâu	con	807	790	(8)		756	93,68%	95,70%
	- Tổng đàn bò	con	205.381	210.000	(960)		198.650	96,72%	94,60%
	- Tổng đàn lợn	con	392.487	395.000	(27.884)		340.442	86,74%	86,19%
	- Tổng đàn gia cầm	1000 con	4.181	4.500	(190,720)		4.063	97,18%	90,30%
D	LÂM NGHIỆP								
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	213	350	0	0	20	9,39%	5,71%
	- Chăm sóc rừng	Ha	338	500	626,5	213,5	626,5	185,36%	125,30%
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5065,83	5.354	0	0	5164	101,94%	96,45%
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	50	50	1,68	0	1,68	3,36%	3,36%
E	DIỂM NGHIỆP								
F	THỦY SẢN								
1	Tổng diện tích nuôi	Ha	40.715	43.000	12.769	1.922	52.202	128,21%	121,40%
1.1	Nuôi nước ngọt	"	2.605	3.500	1.710	450	2.633	101,07%	75,23%
	- Diện tích nuôi cá	"	1.685	2.400	976	388	1.652	98,07%	68,85%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	38	70	19	6	33	85,92%	46,97%
	+ Cá lóc	"	246	300	57	29	251	101,82%	83,51%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	920	1.100	735	61	981	106,57%	89,15%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	920	1.100	735	61	981	106,57%	89,15%
	- Diện tích nuôi khác	"							
1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	38.110	39.500	11.058	1.472	49.569	130,07%	125,49%
	- Diện tích nuôi cá	"							
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	37.810	38.500	10.475	1.472	48.901	129,33%	127,02%
	Trong đó: + Tôm sú	"	18.403	18.000	4.818	453	24.006	130,45%	133,37%
	+ Tôm chân trắng	"	5.410	6.000	1.717	370	6.005	111,00%	100,09%
	+ Cua biển	"	13.997	14.500	3.940	649	18.890	134,96%	130,28%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết)	"	300	1.000	583	-	668	222,67%	66,80%
2	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³							
3	Sản lượng con giống sx	Triệu con							
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	123.730	169.700	63.707	20.474	140.893	113,87%	83,02%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	70.260	101.300	36.786	7.865	82.661	117,65%	81,60%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	38.647	53.900	16.704	4.259	44.166	114,28%	81,94%
	- Sản lượng cá	"	38.254	53.200	16.629	4.229	43.498	113,71%	81,76%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	5.794	10.000	6.712	684	14.162	244,43%	141,62%
	Cá lóc	"	21.376,7	26.500	4.741	1.015	19.056	89,15%	71,91%
	- Sản lượng giáp xác	"	393,4	700	75	31	668	169,81%	95,44%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	393,4	700	75	31	668	169,81%	95,44%
	- Sản lượng thủy sản khác	"							
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	31.613	47.400	20.083	3.606	38.496	121,77%	81,21%
	- Sản lượng cá nuôi	"							
	- Sản lượng giáp xác nuôi	"	29.960,9	44.700	18.989,8	3.371,3	36.457,8	121,68%	81,56%
	Trong đó: + Tôm sú	"	8.357,7	11.700	5.168	1.415	9.106	108,95%	77,82%
	+ Tôm chân trắng	"	15.731,3	25.000	11.078	772,14	22.305	141,79%	89,22%
	+ Nuôi cua biển	"	5.871,9	8.000	2.744	1.185	5.047	85,96%	63,09%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2017	Thực hiện quý III	Thực hiện tháng 9	Ước TH 9 tháng năm 2017	% so sánh với	
								Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.652,1	2.700	1.093	235	2.038	123,34%	75,47%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	53.470	68.400	26.921	12.609	58.232	108,91%	85,13%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	44.821	55.700	22.529	9.669	49.484	110,40%	88,84%
	<i>Trong đó:</i> - Cá các loại	Tấn	17.653	22.500	8.931	3.566	20.566,8	116,50%	91,41%
	- Tôm các loại	Tấn	5.505,6	7.200	1.914	268	5.641,9	102,48%	78,36%
	- Thủy sản khác	"	21.661,9	26.000	11.684	5.835	23.275,1	107,45%	89,52%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	8.649	12.700	4.392	2.940	8.748	101,14%	68,88%
	<i>Trong đó:</i> - Cá các loại	"	4.162,2	5.700	1.963	1.216	4268,2	102,55%	74,88%
	- Tôm các loại	"	2.333	4.000	1.291	817	2560,71	109,78%	64,02%
	- Thủy sản khác	"	2.154	3.000	1.138	906	1918,94	89,08%	63,96%